



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA**  
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

P1702 - Tầng 17 - Tòa nhà 2972 Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội  
Tel: (844) 6 2512 482 Fax: (844) 6 2512 821 www.vfa.com.vn

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015**

MỤC LỤC

<u>NOI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015.

### **BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Thanh Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đình Lân	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Châu	Phó Giám đốc
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Giám đốc

#### **Kế toán trưởng**

Ông Lê Thanh cường

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015 được Công ty TNHH Kiểm toán VFA kiểm toán.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/3/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện nào khác phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giá định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Thanh Dũng**  
Giám đốc

Bình Định, ngày 31 tháng 03 năm 2015



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

P.1703 - Tầng 17 - Tòa nhà 25T1 Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội  
Tel: (844) 3555 1838 Fax: (844) 3555 1837 www.vfa.com.vn

Số: 19 /2015/VFA - BCKT

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định  
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015

**Kính gửi:** Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31/03/2015, từ trang 06 đến trang 24 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định tại ngày 31/3/2015, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**Trần Xuân Hà**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐK hành nghề kiểm toán  
số 1317 - 2013 - 154 - 1



---

**Đỗ Quốc Bảo**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐK hành nghề kiểm toán  
số 1373 - 154 - 1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Mẫu số B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/3/2015	Tại ngày 01/01/2014
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.546.630.275</b>	<b>49.789.712.928</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	544.230.995	15.486.013.563
Tiền	111		544.230.995	3.412.549.611
Các khoản tương đương tiền	112		-	12.073.463.952
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.485.110.591	12.074.723.399
Phải thu khách hàng	131		30.008.049.693	10.489.985.172
Trả trước cho người bán	132		145.582.000	258.555.000
Các khoản phải thu khác	135	5	1.331.478.898	1.326.183.227
Hàng tồn kho	140	6	23.813.306.939	18.456.143.106
Hàng tồn kho	141		23.813.306.939	18.456.143.106
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.703.981.750	3.772.832.860
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.306.918.742	561.364.115
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	3.397.063.008	3.211.468.745
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.021.780.597.835</b>	<b>454.039.494.632</b>
Tài sản cố định	220		1.006.259.564.213	439.596.855.826
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.004.784.157.050	439.154.441.728
- Nguyên giá	222		1.217.011.894.061	621.243.093.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(212.227.737.011)	(182.088.651.963)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.475.407.163	442.414.098
Tài sản dài hạn khác	260		15.521.033.622	14.442.638.806
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	15.521.033.622	14.442.638.806
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.083.327.228.110</b>	<b>503.829.207.560</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Mẫu số B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/3/2015	Tại ngày 01/01/2014
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>685.621.542.343</b>	<b>307.374.551.431</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.094.253.585</b>	<b>39.391.307.673</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	11	12.338.890.000	9.283.294.000
Phải trả người bán	312		516.830.375	2.560.380.902
Người mua trả tiền trước	313		107.475.875	184.573.484
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.776.811.620	1.030.298.849
Phải trả người lao động	315		2.845.863.765	9.213.132.128
Chi phí phải trả	316	13	12.195.741.795	13.340.008.422
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	2.528.845.978	487.453.167
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.783.794.177	3.292.166.721
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>648.527.288.758</b>	<b>267.983.243.758</b>
Vay và nợ dài hạn	334	15	648.527.288.758	267.983.243.758
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>16</b>	<b>397.705.685.767</b>	<b>196.454.656.129</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>384.040.545.870</b>	<b>191.777.110.037</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		384.040.545.870	191.777.110.037
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>13.665.139.897</b>	<b>4.677.546.092</b>
Nguồn kinh phí	432	17	13.665.139.897	4.677.546.092
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.083.327.228.110</b>	<b>503.829.207.560</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/3/2015	Tại ngày 01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			1.622.143.700	1.622.143.700
4. Nợ khó đòi đã xử lý			259.448.499	259.448.499

Bình Định, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng



Lê Thanh Cường



Giám đốc



Trần Thanh Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến 31/3/2015

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015	Năm 2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	147.985.611.470	103.155.217.673
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	19	48.703.162	174.694.695
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	147.936.908.308	102.980.522.978
Giá vốn hàng bán	11	21	106.654.736.068	75.175.786.708
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.282.172.240	27.804.736.270
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	629.999.604	397.436.946
Chi phí tài chính	22	23	7.680.972.366	7.299.335.497
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.680.972.366	7.299.335.497
Chi phí bán hàng	24		7.937.031.290	4.771.713.331
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.576.556.900	11.184.391.676
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.717.611.288	4.946.732.712
Thu nhập khác	31	24	630.388.477	237.075.905
Chi phí khác	32	25	54.431.591	98.522.724
Lợi nhuận khác	40		575.956.886	138.553.181
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.293.568.174	5.085.285.893
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.704.584.999	1.271.321.474
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.588.983.175	3.813.964.419

Bình Định, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng

Lê Thanh Cường

Giám đốc



Trần Thanh Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/3/2015  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		154.850.659.341	108.949.858.097
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(74.973.113.913)	(41.842.521.286)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(50.717.708.041)	(33.066.780.790)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(9.778.978.120)	(8.366.535.500)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(2.407.750.273)	(1.253.646.026)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		723.901.785	101.979.468
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(19.741.917.849)	(8.954.968.814)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.044.907.070)</b>	<b>15.567.385.149</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(85.511.728)	(7.435.488.374)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.590.022.557
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		605.334.230	374.362.785
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>519.822.502</b>	<b>(4.471.103.032)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.416.698.000)	(7.114.874.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(13.416.698.000)</b>	<b>(7.114.874.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(14.941.782.568)</b>	<b>3.981.408.117</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.486.013.563	11.504.605.446
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	544.230.995	15.486.013.563

Bình Định, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng



Lê Thanh Cường

Giám đốc



  
Trần Thanh Dũng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Khái quát chung

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 4100258955 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 7 năm 2010 (chuyển đổi từ Công ty Nhà nước là Công ty Cấp thoát nước Bình Định).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 68.719.128.473 VND.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Quản lý sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Quản lý, duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước;
- Hút và xử lý chất thải bể phốt hầm cầu;
- Tư vấn lập dự án và thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Thi công xây lắp, sửa chữa công trình cấp thoát nước;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015 được lập cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến 31/3/2015 của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 3.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ.

#### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	6 – 30
Máy móc thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định thuộc hệ thống thoát nước	Không trích khấu hao

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đầu nối và duy trì đầu nối bao gồm giá trị đồng hồ nước xuất dùng, chi phí nhân công, chi phí vật tư lắp đặt... đang được Công ty phân bổ từ 03 đến 05 năm căn cứ theo các văn bản sau:

- Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với DN do NN nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Quy định số 172/KTKD-CTNTN ngày 01/7/2007 của Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Bình Định về việc thay thế đồng hồ đo lưu lượng nước;

### 3.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền gửi tiết kiệm, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

### 3.9 Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 3.10 Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

#### Thuế Giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) được hạch toán theo phương pháp khấu trừ: thuế GTGT phải nộp được xác định bằng thuế GTGT đầu ra trừ đi (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh trong kỳ kế toán;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.10 Thuế và các khoản thanh toán ngân sách (tiếp)

##### Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty hiện hành là 22%.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 3.11 Quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến 31/3/2015 như sau:

- Quỹ tiền lương của viên chức quản lý là: 2.245,5 triệu đồng được xác định theo Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên, hoặc Chủ tịch Công ty, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Quỹ tiền lương của người lao động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/3/2015 là: 32.177 triệu đồng được xác định theo Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về việc quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Quỹ tiền lương xây lắp tự làm: 5.045 triệu đồng; được quyết toán theo chi phí nhân công từng công trình.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền mặt	13.945.891	43.900.700
Tiền gửi ngân hàng	530.285.104	3.368.648.911
Các khoản tương đương tiền	-	12.073.463.952
<b>Cộng</b>	<b>544.230.995</b>	<b>15.486.013.563</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Ban QLDA cấp nước & vệ sinh TP Quy Nhơn	168.017.511	168.017.511
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn		
- Ngân hàng Công thương - CN Bình Định	-	18.000.000
- Ngân hàng Công thương - CN Phú Tài	-	4.776.713
- Ngân hàng Ngoại thương - CN Quy Nhơn	-	9.916.666
- Ngân hàng VIB	-	1.870.000
Hường lương BHXH	12.306.841	31.585.211
Ban GPMB & Phát triển quỹ đất BĐ	1.091.957.160	1.091.957.160
Điện lực Quy Nhơn	51.896.372	-
Các khoản phải thu khác	7.301.014	59.966
<b>Cộng</b>	<b>1.331.478.898</b>	<b>1.326.183.227</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.026.003.238	17.947.253.000
Công cụ, dụng cụ	170.057.886	208.763.821
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.617.245.815	300.126.285
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>23.813.306.939</b>	<b>18.456.143.106</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>23.813.306.939</b>	<b>18.456.143.106</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tạm ứng	3.331.009.840	3.014.271.225
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	66.053.168	197.197.520
<b>Cộng</b>	<b>3.397.063.008</b>	<b>3.211.468.745</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn dụng cụ, quản lý	Thiết bị	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>51.446.562.955</b>	<b>23.880.908.792</b>	<b>544.563.228.954</b>	<b>1.319.720.990</b>	<b>32.672.000</b>	<b>621.243.093.691</b>
- Mua trong năm	-	-	-	99.000.000	-	99.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.738.471.578	610.067.110	4.012.428.665	-	231.573.720	6.592.541.073
- Nhận bàn giao tài sản	28.937.122.000	56.861.000	559.151.611.000	1.137.000.000	-	589.282.594.000
- Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	(58.554.608)	(35.320.798)	(59.240.130)	-	-	(153.115.536)
- Điều chỉnh tài sản (*)	42.711.868.000	(42.711.868.000)	(42.711.868.000)	-	-	-
- Giảm khác	-	(49.400.000)	(2.819.167)	-	-	(52.219.167)
<b>Tại ngày 31/3/2015</b>	<b>82.063.601.925</b>	<b>67.174.984.104</b>	<b>1.064.953.341.322</b>	<b>2.555.720.990</b>	<b>264.245.720</b>	<b>1.217.011.894.061</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>19.542.848.480</b>	<b>10.156.098.841</b>	<b>151.673.199.938</b>	<b>700.509.037</b>	<b>15.995.667</b>	<b>182.088.651.963</b>
- Khấu hao trong năm	2.630.070.791	2.649.094.947	24.742.126.013	237.412.809	33.496.024	30.292.200.584
- Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	(58.554.608)	(35.320.798)	(59.240.130)	-	-	(153.115.536)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/3/2015</b>	<b>22.114.364.663</b>	<b>12.769.872.990</b>	<b>176.356.085.821</b>	<b>937.921.846</b>	<b>49.491.691</b>	<b>212.227.737.011</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>31.903.714.475</b>	<b>13.724.809.951</b>	<b>392.890.029.016</b>	<b>619.211.953</b>	<b>16.676.333</b>	<b>439.154.441.728</b>
<b>Tại ngày 31/3/2015</b>	<b>59.949.237.262</b>	<b>54.405.111.114</b>	<b>888.597.255.501</b>	<b>1.617.799.144</b>	<b>214.754.029</b>	<b>1.004.784.157.050</b>

(\*): Điều chỉnh theo công văn số 206/BQLĐA-KTh ngày 12/3/2015 của Ban Quản lý dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn về việc tách giá trị hệ thống thoát nước và xây dựng lắp đặt trạm bơm nước thải thuộc dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>1.475.407.163</b>	<b>442.414.098</b>
Trong đó:		
- TT Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành	104.886.236	104.886.236
- Ống gió 4 thùng làm thoáng NMXLN Phú Tài	-	118.449.377
- Tuyến ống cấp nước PVC D32-50 KV 6,8 P.Nhon Bình	-	41.663.730
- Lắp hàng rào B40 Ghềnh Ráng + kè TA3	640.570.909	-
- Cài tạo ống D50 Nguyễn Huệ	67.782.777	-
- Lỗ khoan mới giếng B2KT,G3,G8A,G8B	146.570.000	-
- Thổi rửa, thay thế máy bơm xí nghiệp I	281.490.000	-
- Vật tư lắp đặt cấp nước nhà dân từ nguồn vốn Công ty	142.695.693	59.436.093
- Các công trình khác	91.411.548	117.978.662

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Chi phí thay thế đồng hồ nước 2012	-	1.389.704.818
Chi phí đầu tư lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân năm 2012	2.690.744.095	4.683.389.317
Chi phí thay thế đồng hồ nước 2013	2.540.675.244	3.601.390.267
Chi phí đầu tư lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân năm 2013	2.691.892.998	3.915.459.450
Chi phí đầu tư lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân năm 2014	3.410.357.329	-
Chi phí thay thế đồng hồ nước 2014	2.413.679.920	-
Chi phí đầu tư lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân năm 2015	582.541.201	-
Chi phí thay thế đồng hồ nước 2015	592.629.337	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	254.181.456
Chi phí CCDC, đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa	598.513.498	598.513.498
<b>Cộng</b>	<b>15.521.033.622</b>	<b>14.442.638.806</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>12.338.890.000</i>	<i>9.283.294.000</i>
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định khoản 110 tỷ đồng	2.037.900.000	4.075.800.000
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định khoản 13 tỷ đồng	351.504.000	703.008.000
Ngân hàng Đầu tư phát triển Bình Định (DA Bắc Hà Thanh GD 1)	67.500.000	90.000.000
Ngân hàng Phát triển (DA 9TT)	4.414.486.000	4.414.486.000
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định (DA Nhơn Hội)	4.941.000.000	-
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định (DA Bắc Hà Thanh GD 2)	72.000.000	-
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định (DA Nhơn Phước)	454.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.338.890.000</b>	<b>9.283.294.000</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế GTGT	924.506.191	447.691.146
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	689.601.840	392.767.114
Thuế thu nhập cá nhân	15.790.000	69.577.729
Thuế tài nguyên	129.636.990	120.262.860
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.276.599	-
<b>Cộng</b>	<b>1.776.811.620</b>	<b>1.030.298.849</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Lãi vay trong ân hạn phải trả Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định (DA cấp nước và vệ sinh TP Quy Nhơn- Khoản vay 110 tỷ đồng)	11.739.208.422	13.340.008.422
Trích trước chi phí lãi vay dự án 9TT	456.533.373	-
<b>Cộng</b>	<b>12.195.741.795</b>	<b>13.340.008.422</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	-	41.486.469
Quỹ ĐTPT tạm ứng vốn để thi công công trình khu TĐC Nhơn Phước mở rộng phía Nam	418.605.000	418.605.000
Chi phí trang phục phải trả	1.302.000.000	-
Chi phí điện, điện thoại phải trả	780.646.725	-
Phải trả khác	27.594.253	27.361.698
<b>Cộng</b>	<b>2.528.845.978</b>	<b>487.453.167</b>

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>171.876.260.121</b>	<b>188.348.554.121</b>
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản 110 tỷ (1)	75.402.460.600	79.478.260.600
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản 13 tỷ	7.733.107.721	8.436.115.721
Quỹ Đầu tư Phát triển- CN Bình Định DA Bắc Sông Hà Thanh (2)	843.277.000	1.029.277.000
Quỹ Đầu tư Phát triển- CN Bình Định DA Nhơn Hội (3)	27.964.697.800	34.552.697.800
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định DA 9 thị trấn(4)	55.787.717.000	60.202.203.000
Quỹ Đầu tư Phát triển- CN Bình Định DA Nhơn Phước (5)	4.145.000.000	4.650.000.000
<b>Nợ dài hạn (*)</b>	<b>476.651.028.637</b>	<b>79.634.689.637</b>
Ban QLDA cấp nước và vệ sinh TP Quy Nhơn	64.043.260.895	64.043.260.895
Công ty Môi trường Đô thị	2.555.619.502	2.555.619.502
Ban QLDA Vệ sinh môi trường TP Quy Nhơn	410.052.148.240	13.035.809.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>648.527.288.758</b>	<b>267.983.243.758</b>

Ghi Chú:

(1) Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.102 ngày 18/6/2008 với Ngân hàng Phát triển – chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 110.046.760.600 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 5%/năm(bao gồm phí quản lý 0,2%), lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn.Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn;

Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.050 ngày 11/01/2010 với Ngân hàng Phát triển – chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 13.708.675.721 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 0%/năm, phí quản lý 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

- (2) Hợp đồng vay vốn số 28/2007/HĐTD ngày 27/12/2007 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ quý 1/2009. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B – Đảo 1, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1);

Hợp đồng vay vốn số 09/2009/HĐTD ngày 25/12/2009 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 03/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 901.264.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 02/2012. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B – Đảo 1, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 2).

Phụ lục Hợp đồng số: 03/2015/PLHD-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 09/2009/HĐTD ngày 25/12/2009; thời hạn cho vay: 176 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay; thời hạn trả gốc: 114 tháng; thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: tháng 02/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: 3 tháng.

- (3) Hợp đồng vay vốn số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 04/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 34.552.697.800 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 01/2012. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1).

Phụ lục Hợp đồng số: 02/2015/PLHD-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006; thời hạn cho vay: 160 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay. Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: 1/2015. Thời hạn trả nợ gốc: 63 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng.

- (4) Khế ước nhận nợ khung vay nguồn vốn ODA với Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bình Định ngày 10/10/2006, với số tiền vay là 5.323.312 USD, đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam. Lãi suất vay 3%/năm, phí cho vay 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước 9 thị trấn tỉnh Bình Định theo Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước Bình Định tháng 4/2006.

- (5) Hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTD và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 02/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 4.650.000.000 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu tái định cư Nhơn Phước (giai đoạn 1).

Phụ lục Hợp đồng số: 04/2015/PLHD-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD ngày 28/02/2008; thời hạn cho vay: 176 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay; thời hạn trả gốc: 92 tháng; thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: tháng 3/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng.

**16. VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/3/2015 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
+ Vốn của Nhà nước	384.040.545.870	191.777.110.037
Cộng	<u>384.040.545.870</u>	<u>191.777.110.037</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.*

**16. VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**16.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	94.836.265.806	7.790.829.142	3.904.570.196	-	106.531.665.144
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tăng do đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa Công ty	64.339.867.581	-	-	-	64.339.867.581
Tăng do bán giao tài sản	23.736.938.739	-	-	-	23.736.938.739
Tăng khác	22.013.188.347	14.222.359.205	-	3.813.964.419	40.049.511.971
Phân phối lợi nhuận	(10.317.789.009)	1.144.189.326	(3.904.570.196)	(3.813.964.419)	(2.669.775.093)
Giảm khác	(2.831.361.427)	(1.144.189.326)	-	-	(15.366.548.531)
Giảm do bàn giao tài sản	-	(22.013.188.347)	-	-	(2.831.361.427)
Giảm do kết chuyển sang vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-	-	-	(22.013.188.347)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>191.777.110.037</b>	-	-	-	<b>191.777.110.037</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>191.777.110.037</b>	-	-	-	<b>191.777.110.037</b>
Tăng do bàn giao tài sản	192.263.435.833	-	-	-	192.263.435.833
Tăng khác	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	9.588.983.175	9.588.983.175
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(9.588.983.175)	(9.588.983.175)
<b>Tại ngày 31/3/2015</b>	<b>384.040.545.870</b>	-	-	-	<b>384.040.545.870</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**17. NGUỒN KINH PHÍ**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm 2013 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	32.646.024.608	24.263.090.200
Chi sự nghiệp	23.658.430.803	22.508.437.600
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	13.665.139.897	4.677.546.092
<i>Trong đó 10% phí BVMT đối với nước thải được để lại Công ty</i>	<i>629.710</i>	-

**18. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.985.611.470	103.155.217.673
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	114.217.569.048	78.557.565.028
Doanh thu cung cấp dịch vụ (công ích)	13.510.994.772	20.030.143.508
Doanh thu hoạt động xây lắp	20.257.047.650	4.567.509.137

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm 2013 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	48.703.162	174.694.695
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	48.703.162	174.694.695

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu thuần	147.936.908.308	102.980.522.978
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	114.168.865.886	78.382.870.333
Doanh thu cung cấp dịch vụ (công ích)	13.510.994.772	20.030.143.508
Doanh thu hoạt động xây lắp	20.257.047.650	4.567.509.137

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng	81.417.451.833	57.062.115.254
Giá vốn cung cấp dịch vụ (công ích)	9.932.199.355	15.093.841.212
Giá vốn hoạt động xây lắp	15.305.084.880	3.019.830.242
<b>Cộng</b>	<b>106.654.736.068</b>	<b>75.175.786.708</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	629.999.604	397.436.946
<b>Cộng</b>	<b>629.999.604</b>	<b>397.436.946</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.680.972.366	7.299.335.497
<b>Cộng</b>	<b>7.680.972.366</b>	<b>7.299.335.497</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý vật tư	389.265.454	98.522.724
Xử lý vật tư thừa sau kiểm kê	2.430.965	2.748.012
Chi cục thuế Quy Nhơn hoàn trả tiền thuê đất	111.730.574	81.175.000
Kinh phí bồi thường HTCN xung quanh Chợ Dinh	72.862.000	-
Thu nhập khác	54.099.484	54.630.169
<b>Cộng</b>	<b>630.388.477</b>	<b>237.075.905</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý vật tư	-	98.522.724
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	54.431.591	-
<b>Cộng</b>	<b>54.431.591</b>	<b>98.522.724</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.293.568.174	5.085.285.893
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	12.293.568.174	5.085.285.893
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>2.704.584.999</b>	<b>1.271.321.474</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp</b>	<b>2.704.584.999</b>	<b>1.271.321.474</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.*

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.112.785.502	18.429.391.227
Chi phí nhân công	38.522.238.255	31.069.675.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.826.166.591	22.432.058.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.734.819.803	12.852.441.283
Chi phí khác bằng Tiền	8.972.314.108	6.093.875.296
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ kết chuyển giá vốn	-	254.449.208
<b>Cộng</b>	<b>129.168.324.258</b>	<b>91.131.891.715</b>

**28. THÔNG TIN KHÁC****28.1 Sự kiện đặc biệt**

Căn cứ vào Quyết định số 496/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định ngày 9/2/2015 về việc "Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ và phương án cổ phần hóa để chuyển Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định thành Công ty Cổ phần" với số vốn điều lệ là: 124.108.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm lẻ tám triệu đồng), trong đó Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định nắm giữ 7.985.612 cổ phần, chiếm 64,34% vốn điều lệ.

Tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty đang tiến hành các thủ tục để chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định thành Công ty Cổ phần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****28.2 Số liệu so sánh**

Số dư tại ngày 01/01/2014 của Báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31/3/2015 đã được điều chỉnh lại theo kết quả của Báo cáo định giá số 14/09/30/DN ngày 30/9/2014 do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam phát hành, do đó có sự chênh lệch giữa số dư ngày 01/01/2014 trên Báo cáo tài chính của Công ty với số dư ngày 31/12/2013 trên Báo cáo kiểm toán năm 2013. Cụ thể:

Mã số	Mục	Số cuối năm 2013	Số đầu năm 2014 trình bày lại	Chênh lệch
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>TÀI SẢN</b>				
100	Tài sản ngắn hạn	49.789.710.852	49.789.712.928	2.076
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.412.547.535	3.412.549.611	2.076
200	Tài sản dài hạn	389.699.629.127	454.039.494.632	64.339.865.505
221	Tài sản cố định hữu hình	375.413.089.721	439.154.441.728	63.741.352.007
222	Nguyên giá	522.756.152.983	621.243.093.691	98.486.940.708
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(147.343.063.262)	(182.088.651.963)	(34.745.588.701)
261	Chi phí trả trước dài hạn	13.844.125.308	14.442.638.806	598.513.498
270	Tổng tài sản	439.489.339.979	503.829.207.560	64.339.867.581
<b>NGUỒN VỐN</b>				
400	Vốn chủ sở hữu	132.114.788.548	196.454.656.129	64.339.867.581
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	105.424.054.109	191.777.110.037	86.353.055.928
417	Quỹ đầu tư phát triển	22.013.188.347	-	(22.013.188.347)
440	Tổng nguồn vốn	439.489.339.979	503.829.207.560	64.339.867.581

Bình Định, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng



Lê Thanh Cường

Giám đốc



Trần Thanh Dũng